

Bản án số: 01/2025/KDTM - ST  
Ngày: 15/01/2025.  
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Hiếu.

Bà Vũ Thị Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Lê Huy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quang Huy- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 15/2024/TLST- KDTM ngày 11/10/2024 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-KDTM ngày 13/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số:10/2024/QĐST-KDTM ngày 30/12/2024 giữa :

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng N1 ( A)

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Tuấn H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N1 chi nhánh T3

(Theo quyết định số 2665/QĐ – NHNo ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc A)

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tuấn H:* Bà Vũ Thị N - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch khu vực thị trấn T.

(Theo văn bản ủy quyền số: 407/UQ – NHN0.TH – TH ngày 23/7/2024 của Giám đốc A chi nhánh huyện T3, Thái Bình)

**- Bị đơn:** Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1973 và bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, Thái Bình.

*(Bà Nguyệt có mặt, bà T1 và ông T vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng N1, người đại diện theo ủy quyền bà Vũ Thị N trình bày:*

Ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1 có ngành nghề hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 08H8009277 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp lần đầu ngày 30/9/2020, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 07/06/2022. Ngày 01/12/2022, ông T và bà T1 có quan hệ tín dụng với Ngân hàng N1 theo hợp đồng tín dụng số 3404LAV202206027 với số tiền cho vay là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 3404LDS202213998 ngày 01/12/2022. Theo đó, ngày vay là ngày 01/12/2022, ngày giải ngân là ngày 01/12/2022. Thời hạn vay 10 tháng ( ngày trả nợ cuối cùng: 01/10/2023); Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là : 11,5%/năm, A được quyền chủ động điều chỉnh lãi suất cho vay theo định kỳ ít nhất 3 tháng/lần ( kỳ điều chỉnh lãi suất có thể là 01 tháng, 02 tháng, 03 tháng hoặc tùy thuộc diễn biến lãi suất trên thị trường, tình hình cân đối và lãi suất của A), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay: Kinh doanh yếm thô, yếm tinh chế, yếm chung. Tài sản bảo đảm cho khoản tiền vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28.11/HĐTC ký ngày 28/11/2022, gồm: Quyền sử dụng 130m<sup>2</sup> đất ở nông thôn tại thửa đất số 208, tờ bản đồ số 26, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM726454, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03033, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 31/12/2012 mang tên bà Hoàng Thị T1. Địa chỉ thửa đất tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Tài sản xây dựng trên đất là 01 nhà mái bằng 02 tầng, bê tông kiên cố, diện tích sàn sử dụng khoảng 80m<sup>2</sup>. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1 chưa thanh toán cho ngân hàng khoản nợ gốc và mới thanh toán được khoản tiền lãi đến ngày 31/01/2023. Kể từ ngày 01/02/2023 toàn bộ số tiền vay của ông T và bà T1 đã chuyển sang nợ quá hạn do quá hạn gốc. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu ông T và bà T1 thu xếp để trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng, nhưng ông T và bà T1 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng N1 đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1) Buộc ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1 phải trả cho Ngân hàng các khoản tiền sau:

- Số tiền nợ gốc là: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng);
- Tiền lãi trong hạn là: 127.849.316 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười sáu đồng);
- Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 15/01/2025 là: 13.729.027 đồng (Mười ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 15/01/2025 ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1 phải trả cho Ngân hàng là: 741.578.343 đồng (Bảy trăm bốn mươi một triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng).

2) Buộc ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 3404LAV202206027 ngày 01/12/2022 kể từ ngày tiếp theo của ngày Bản án cho đến ngày thực tế ông T và bà T1 trả hết nợ gốc cho ngân hàng.

3) Trong trường hợp ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng N1 đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán các tài sản bảo đảm gồm Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28.11/HĐTC ký ngày 28/11/2022 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, Bị đơn là bà Hoàng Thị T1 trình bày:* Năm 2022, vợ chồng bà có vay vốn tại ngân hàng N1 khu vực thị trấn T số tiền 600.000.000 đồng để cho con trai là anh Hoàng Văn T2 lấy vốn làm ăn và có thế chấp tài sản là thửa đất số 208, tờ bản đồ số 26 và nhà ở của bà để vay vốn tại Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà T1 phải trả nợ cho Ngân hàng, quan điểm của bà T1 là do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bản thân bà thường xuyên ốm đau không có thu nhập nên bà T1 đề nghị Ngân hàng miễn lãi và xin trả nợ dần khoản nợ gốc cho ngân hàng.

Đại diện Ngân hàng không nhất trí với ý kiến của bà Hoàng Thị T1 về việc xin miễn lãi và trả dần nợ gốc.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Hải phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn là bà T1 chấp hành pháp luật nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn ông Hoàng Văn T không chấp hành pháp luật, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 buộc bà Hoàng Thị T1 và ông Hoàng Văn T phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trường hợp ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1 không trả được nợ cho Ngân hàng N1 thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên phát mại tài sản bảo đảm gồm Quyền sử dụng đất

và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28.11/HĐTC ngày 28/11/2022 để thu hồi nợ.

Về án phí: Ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1]. Về tố tụng:**

[1.1]. *Về thẩm quyền:* Ngân hàng N1 là tổ chức tín dụng, có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận. Ngân hàng N1 và ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị T1 ký hợp đồng tín dụng, mục đích vay của ông T, bà T1 để kinh doanh yếm thô, yếm tinh chế, yếm chung, các bên đều có mục đích lợi nhuận, ông T, bà T1 là hộ kinh doanh cá thể, có giấy chứng nhận hộ đăng ký kinh doanh cá thể. Do vậy, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng. Bị đơn cư trú tại huyện T, tỉnh Thái Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng N1 và ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

[1.2]. *Về việc vắng mặt của bị đơn:* Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải đã giao và gửi Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho Bà T1, bà T1 cam kết giao lại cho ông T nhưng ông T không lên Tòa án làm việc. Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông T, bà T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ vào khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2]. Về nội dung:**

2.1. *Về yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc, nợ lãi của Ngân hàng N1.*

Xét thấy, Ngày 01/12/2022, ông T và bà T1 ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng N1 theo hợp đồng tín dụng số 3404LAV202206027 với số tiền cho vay là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 3404LDS202213998 ngày 01/12/2022. Theo đó, ngày vay là ngày 01/12/2022, ngày giải ngân là ngày 01/12/2022. Thời hạn vay 10 tháng ( ngày trả nợ cuối cùng: 01/10/2023); Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là : 11,5%/năm, A được quyền chủ động điều chỉnh lãi suất cho vay theo định kỳ ít nhất 3 tháng/lần ( kỳ điều chỉnh lãi suất có thể là 01 tháng, 02 tháng, 03 tháng hoặc tùy thuộc diễn biến lãi suất trên thị trường, tình hình cân đối và lãi suất của A), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay: Kinh doanh yếm thô, yếm tinh chế, yếm chung. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, ông Hoàng Văn T và bà

Hoàng Thị T1 chưa thanh toán cho ngân hàng khoản nợ gốc và mới thanh toán được khoản tiền lãi đến ngày 31/01/2023. Kể từ ngày 01/02/2023 toàn bộ số tiền vay của ông T và bà T1 đã chuyển sang nợ quá hạn do quá hạn gốc. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu ông T và bà T1 thu xếp để trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng, nhưng ông T và bà T1 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1 và ông T phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng); Tiền lãi trong hạn là: 127.849.316 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười sáu đồng) và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 15/01/2025 là: 13.729.027 đồng (Mười ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn không trăm hai mươi bảy đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 280, Điều 357 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*2.2. Đối với yêu cầu của Ngân hàng N1 về việc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng 130m<sup>2</sup> đất ở nông thôn theo thửa đất số 208, tờ bản đồ số 26, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM726454, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03033, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 31/12/2012 mang tên ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1. Địa chỉ thửa đất tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Tài sản xây dựng trên đất là 01 nhà mái bằng 02 tầng, bê tông kiên cố, diện tích sàn sử dụng 80m<sup>2</sup>.*

Xét thấy, để đảm bảo cho khoản tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 3404LAV202206027 ngày 01/12/2022 với Ngân hàng N1. Bà Hoàng Thị T1 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28.11/HĐTC ngày 28/11/2022 để thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà T1 gồm: Quyền sử dụng 130m<sup>2</sup> đất ở nông thôn theo thửa đất số 208, tờ bản đồ số 26, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM726454, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03033, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 31/12/2012 mang tên bà Hoàng Thị T1. Địa chỉ thửa đất tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Tài sản xây dựng trên đất là 01 nhà mái bằng 02 tầng, bê tông kiên cố, diện tích sàn sử dụng 80m<sup>2</sup>.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/12/2024, tài sản thế chấp được thể hiện như sau: Đất có diện tích 130 m<sup>2</sup>, có các chiều như sau: Đông giáp thửa 1276 dài 10m và thửa 1296 dài 11,4m; Tây giáp thửa 1278 dài 10m và thửa 1285 dài 11,4m; Nam giáp thửa 1285 và giao thông ( ngõ) dài 5,3m; Bắc giáp thửa 1278 dài 5,5m. Trên diện tích đất có xây dựng 01 ngôi nhà mái bằng 02 tầng công trình phụ khép kín, kết cấu bê tông cốt thép và 01 lán tôn.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28.11/HĐTC ngày 28/11/2022 được ký kết giữa bà Hoàng Thị T1 với Ngân hàng N1 được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đều thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà T1 và không có sự biến động trong quá trình sử dụng, các nội dung trong hợp đồng thế chấp phù hợp với

quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28.11/HĐTC ngày 28/11/2022 có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông T, bà T1 đã không thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng N1 về việc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 28.11/HĐTC ngày 28/11/2022 là phù hợp với quy định tại điều 299, điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3]. Về án phí:** Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 được Tòa án chấp nhận. Vì vậy, Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật là (20.000.000đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000đồng), cụ thể như sau: 20.000.000đồng + (341.578.543 đồng (phần vượt quá 400.000.000đồng) x 4%)= 33.663.141 đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn một trăm bốn mươi một đồng).

**[4]. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 280, Điều 299, Điều 323, Điều 357, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1. Buộc ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1 phải trả cho Ngân hàng N1 các khoản nợ sau:

- Số tiền nợ gốc là: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng);
- Tiền lãi trong hạn là: 127.849.316 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười sáu đồng);
- Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 15/01/2025 là: 13.729.027 đồng (Mười ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 15/01/2025 ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1 phải trả cho Ngân hàng là: 741.578.343 đồng (Bảy trăm bốn mươi một triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng).

*“ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.*

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1 không trả nợ cho Ngân hàng N1 thì Ngân hàng N1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28.11/HĐTC ký ngày 28/11/2022 để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng 130m<sup>2</sup> đất ở nông thôn theo thửa đất số 208, tờ bản đồ số 26, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM726454, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03033, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 31/12/2012 mang tên bà Hoàng Thị T1. Địa chỉ thửa đất tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Tài sản xây dựng trên đất là 01 nhà mái bằng 02 tầng, bê tông kiên cố, diện tích sàn sử dụng 80m<sup>2</sup> và 01 lán tôn.

3. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm trên không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1 tại Ngân hàng N1 thì yêu cầu ông T và bà T1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

4. Về án phí: Ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 33.663.141 đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn một trăm bốn mươi một đồng).

Trả lại Ngân hàng N1 số tiền tạm ứng án phí 15.981.643 đồng (Mười lăm triệu chín trăm tám mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002781 ngày 11/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

*“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.*

5. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/01/2025).

Ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tiên Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Chu Thị Linh**

